

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 -4 -2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Kim Đào;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGD ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Tài N, sinh năm: 1973,

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thành phố Đ, tỉnh Q, các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Tài N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phan Tài N và chị Hoàng Thị L đăng ký kết hôn ngày 30/12/1996 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Q. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Phan Tài D, sinh ngày 23/10/1997; cháu Phan Thị Thanh Á, sinh 23/4/2000 và cháu Phan Tài H, sinh ngày 25/10/2007. Ly hôn, anh N có nguyện vọng giao cháu Phan Tài H cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

2.000.000 đồng. Các cháu Tài D và Thanh Á đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 29/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L không đồng ý ly hôn với anh Phan Tài N.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung như anh N trình bày. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tài H, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Tài N và chị Hoàng Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Phan Tài H, sinh ngày 25/10/2007 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Các cháu Tài D và Thanh Á đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị L cư trú tại: Khu phố 1, phường A, thành phố Đ, tỉnh Q nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Tài N và chị Hoàng Thị L đăng ký kết hôn ngày 30/12/1996 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đ, tỉnh Q. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị L là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi anh N và chị L sinh sống cho biết: Cuộc sống hôn nhân của anh N và chị L có mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh N và chị L

không tham gia sinh hoạt đoàn thể và không báo cáo thực trạng mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ. Hiện nay, anh N và chị L không còn sống chung với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh N và chị L đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn đã hơn 03 năm nay, mặc dù cả hai đều cố gắng hàn gắn nhưng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn. Chị L mong muốn được đoàn tụ gia đình để chăm sóc con chung nhưng quá trình giải quyết vụ án chị L cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Phan Tài N được ly hôn chị Hoàng Thị L.

[2.2] Về con chung:

Anh N và chị L có ba người con chung là cháu Phan Tài D, sinh ngày 23/10/1997; cháu Phan Thị Thanh Á, sinh 23/4/2000 và cháu Phan Tài H, sinh ngày 25/10/2007. Tại phiên tòa, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Tài H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của chị Hoàng Thị L là hoàn toàn chính đáng, cháu Phan Tài H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị Hoàng Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Tài Hậu.

Cháu Phan Tài D, sinh ngày 23/10/1997 và cháu Phan Thị Thanh Á, sinh 23/4/2000 đã thành niên, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh N và chị L thống nhất anh N cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tài H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nhận thấy, mức cấp dưỡng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Phan Tài N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Tài N và chị Hoàng Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 30/12/1996).

2. Về con chung: Giao cháu Phan Tài H, sinh ngày 25/10/2007 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Tài N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu Hậu thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh Phan Tài N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Tài N phải chịu 300.000 đồng án phí án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000566 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Anh Phan Tài N còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- UBND phường Đông Giang, tp Đông Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Vũ Xuân